

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 928/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500,
Đồ án Khu phố Điện Biên Phủ (thành phố Tuy Hòa)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về quản lý kiến trúc đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 398/TB-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc đồng ý lập Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, Khu phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng chung thành phố Tuy Hòa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc duyệt nhiệm vụ quy hoạch Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Đồ án Khu phố Điện Biên Phủ (thành phố Tuy Hòa);

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/2.000, Đồ án Khu dân dụng Hồ Sơn và dọc đường Trần Phú (thành phố Tuy Hòa);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 37/TTr-SXD ngày 07 tháng 3 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500, với các nội dung sau:

1. Tên Đồ án

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phố Điện Biên Phủ (thành phố Tuy Hòa).

2. Phạm vi ranh giới vùng quy hoạch

Thuộc địa phận phường 5 (thành phố Tuy Hòa); có giới cận:

- Nam giáp đường Nguyễn Huệ ($B_{\text{đường}} = 25\text{m}$).
- Bắc giáp đường Điện Biên Phủ ($B_{\text{đường}} = 20\text{m}$).
- Đông giáp đường Hùng Vương ($B_{\text{đường}} = 42\text{m}$).
- Tây giáp đường Trần Quốc Toản ($B_{\text{đường}} = 16\text{m}$).

3. Quy mô

- Diện tích: $S_{\text{đồ án}} = 72.178\text{m}^2 = 7,2178 \text{ ha}$.
- Dân số: khoảng 1.000 người.

4. Tính chất vùng quy hoạch - mục tiêu Đồ án

- Tính chất vùng quy hoạch: là khu dân dụng hỗn hợp của thành phố Tuy Hòa, với các chức năng: khu ở, công trình công cộng, dịch vụ, thương mại, cây xanh tập trung.

- Mục tiêu Đồ án: nhằm cụ thể hóa việc hoàn thiện khu dân cư Điện Biên Phủ, tạo không gian phía Nam công viên Hồ Sơn theo Đồ án “Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu dân dụng Hồ Sơn và dọc hai bên đường Trần Phú (thành phố Tuy Hòa)” được phê duyệt tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; tạo quỹ đất và làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất xây dựng nhà ở, các công trình dịch vụ, quản lý đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng và cảnh quan kiến trúc.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

TT	Nội dung	Đơn vị	Chỉ tiêu áp dụng
I	Dân số	người	1.000
II	Chỉ tiêu sử dụng đất	$\text{m}^2/\text{người}$	72
III	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		
1.	Tỷ lệ đất giao thông	%	24,48
2.	Mật độ mạng thoát nước	m/ha	100
3.	Cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày đêm	100
4.	Cấp nước khu nhà nghỉ, khách sạn	lít/người/ngày đêm	200 - 250
5.	Cấp nước văn phòng, dịch vụ	lít/người/ngày đêm	25

6.	Thoát nước bản sinh hoạt	lít/người/ngày đêm	80
7.	Thoát nước bản nhà nghỉ, khách sạn	lít/người/ngày đêm	160 - 200
8.	Thoát nước bản văn phòng, dịch vụ	lít/người/ngày đêm	20
9.	Rác thải	kg/người/ngày đêm	0,8
10.	Cấp điện sinh hoạt	kw/hộ	1,5
11.	Cấp điện khách sạn, dịch vụ	w/m ² sàn	2,5-3,5
12.	Chiếu sáng đường phố	Cd/m ²	0,4 -1,2
13.	Thông tin liên lạc	máy/100 người	17

6. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

a) Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở tổng diện tích đất 7,2178 ha, cơ cấu quy hoạch sử dụng các loại đất, như sau:

Biểu cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

Không tính diện tích giao thông đối ngoại			
TT	Loại đất	Diện tích	Tỉ lệ (%)
1.	Đất ở	28.124	45,63
2.	Đất công trình công cộng	17.078	27,71
3.	Đất cây xanh, công viên, mặt nước	1.703	2,76
4.	Đất giao thông khu dân cư	14.736	23,91
Tổng cộng		61.641	100,00
Tính cả diện tích giao thông đối ngoại			
1.	Đất ở	28.124	38,96
2.	Đất công trình công cộng	17.078	23,66
3.	Đất cây xanh, công viên, mặt nước	1.703	2,36
4.	Đất giao thông khu dân cư	14.736	20,42
5.	Đất giao thông đối ngoại (các đường: Nguyễn Huệ và Duy Tân)	10.537	14,60
Tổng cộng		72.178	100,00

b) Quy hoạch chi tiết phân lô sử dụng đất:

Xem **Biểu Quy hoạch chi tiết phân lô sử dụng đất** tại Phụ lục kèm Quyết định này.

c) Kế hoạch sử dụng đất:

- Đất ở hộ gia đình trong khu dân cư cũ: với đất nhà ở phù hợp quy hoạch thì tiếp tục định cư ổn định theo khuôn viên lô đất kế thừa, được phép xây dựng lại, cải tạo; với đất nhà ở không phù hợp quy hoạch, thì phải giải tỏa: với các nhà bị giải tỏa một phần (do trùng lộ giới đường, trùng đất công cộng,...) mà diện tích đất còn lại

đảm bảo điều kiện, yêu cầu (về: cư trú, quy hoạch) thì được tiếp tục định cư ổn định theo khuôn viên lô đất kế thừa đã điều chỉnh theo quy hoạch và phải điều chỉnh hướng nhà, cải tạo chỉnh trang kiến trúc theo quy hoạch được duyệt; với nhà bị giải tỏa 100% hoặc diện tích đất còn lại không đảm bảo điều kiện, yêu cầu (về: cư trú, quy hoạch) thì phải di dời tái định cư đến nơi quy định, không cho phép xây dựng.

- Đất ở trong các ô phố mới: lập quỹ đất tạo vốn xây dựng hạ tầng đô thị qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Đất công trình công cộng, dịch vụ, gồm các loại công trình: y tế, siêu thị, dịch vụ văn hóa, nhà hàng, khách sạn, trụ sở cơ quan... Cơ chế, chủ trương giao quyền sử dụng đất sẽ được duyệt theo từng dự án cụ thể.

7. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc

a) Cơ cấu phân khu chức năng và hướng phát triển không gian:

Theo Đồ án “Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu dân dụng Hồ Sơn và dọc hai bên đường Trần Phú (thành phố Tuy Hòa)” được phê duyệt tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

b) Các khu vực trọng tâm, điểm nhấn, tầm nhìn quan trọng:

Tạo lập diện mạo kiến trúc mới, hiện đại, với đa dạng hình thức bằng giải pháp: xây dựng mới các công trình dịch vụ, khu công viên, vui chơi giải trí và nhà ở mới (kiểu liên kề mặt phố hoặc có vườn, biệt thự), cải tạo chỉnh trang các công trình nhà ở cũ.

- Tuyến đường Điện Biên Phủ (đoạn kéo dài): bố trí các công trình công cộng, dịch vụ văn hoá, nhà ở biệt thự, nhà liên kề lô phố có vườn, mặt đứng hướng về phía công viên Hồ Sơn, mật độ xây dựng thấp, khoảng lùi (*chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ*) $B_{lùi} = 3m$, trước nhà trồng cây, tầng không gian cây xanh trong khuôn viên, tạo hệ thống không gian cây xanh liên hoàn gắn bó với công viên; nhà ở có kiến trúc mái dốc; mặt ngoài nhà phố sử dụng tông gam màu nhạt phù hợp nền thảm xanh công viên Hồ Sơn; nội thất căn hộ được tổ chức giếng trời lấy ánh sáng, thông thoáng.

- Tuyến Hùng Vương (*đoạn thuộc phạm vi Đồ án*): bố trí loại công trình công cộng, dịch vụ thương mại, khách sạn, văn phòng; tạo không gian cây xanh phía sau công trình gắn bó với công viên Hồ Sơn ở phía Tây.

- Khu vực góc đường Hùng Vương và Điện Biên Phủ: bố trí loại công trình siêu thị dịch vụ văn hóa, khách sạn, văn phòng, siêu thị, lấy chiều cao (tầng) công trình làm điểm nhấn; tổ chức hợp lý các bãi, khu đỗ xe trong khuôn viên hoặc ở tầng hầm công trình (trong công viên Hồ Sơn phải tổ chức bãi đậu xe cho khách).

- Khu vực dọc hai bên rạch Bầu Hạ: tổ chức các không gian sinh hoạt cộng đồng, vườn cảnh, lối đi dạo tạo các không gian “mở”; bố cục kiến trúc hợp lý giữa các khối cao và thấp, có sân bãi đỗ xe, cây xanh, mặt nước,... đáp ứng yêu cầu tập trung đông người; khoảng không gian giữa các khối công trình được bố trí vườn hoa, tiểu cảnh tạo mỹ quan.

- Các tuyến đường ngang trong khu dân cư cũ: cải tạo chỉnh trang các nhà ở cũ hai bên đường, thống nhất hình thức kiểu dáng kiến trúc.

c) Các yêu cầu bảo vệ cảnh quan:

Việc đầu tư xây dựng công trình phải đảm bảo các yêu cầu: kiến trúc các công trình trong khu vực đã được xác định tính chất phải phù hợp với yêu cầu quy hoạch không gian kiến trúc; **không được**: xây dựng bằng vật liệu thô sơ, chập vá, làm tạm trên ban công, lô-gia; sơn quét mặt ngoài nhà, biển hiệu quảng cáo bằng sắc đen, màu tối hoặc sử dụng các loại vật liệu có độ phản quang lớn hơn 70%, trang trí chi tiết phản cảm, bố trí sân phơi ở mặt tiền nhà; tăng cường trồng cây xanh khuôn viên, trong các nhóm công trình và cây xanh đường phố; trong khuôn viên nhóm công trình, trồng các loại cây xanh, dáng đẹp, có hoa, phù hợp thổ nhưỡng tạo cảnh quan ngoại thất và cải thiện vi khí hậu; nếu có tường rào, phải bảo đảm yêu cầu mỹ quan.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

Các thông số quy hoạch và kỹ thuật (chi giới đường đỏ, khoảng lùi tối thiểu, góc vát tam giác tầm nhìn, bán kính cong bó vỉa, độ dốc...) phải tuân thủ quy định trong Đồ án “Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu dân dụng Hồ Sơn và dọc hai bên đường Trần Phú (thành phố Tuy Hòa)” được phê duyệt tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Lưu ý các chỉ giới xây dựng các công trình công cộng có thể lớn hơn **Biểu Quy hoạch giao thông** tại Phụ lục kèm Quyết định này; vỉa hè ưu tiên lát trực đường Điện Biên Phủ sớm hình thành trực cảnh quan đô thị.

b) San nền tiêu thủy:

Hướng địa hình san nền khu vực dốc về phía rạch Bầu Hạ theo cốt không chế tại các tim đường, phù hợp địa hình hiện trạng, cân bằng đào đắp tại chỗ; tại khu vực giáp Gò Máng, san nền phải giạt hạ cấp về phía Tây và Tây Bắc để xử lý độ chênh lệch quá lớn so với cốt đường Hùng Vương; hạn chế chiều cao đất đắp.

c) Cấp điện:

Nguồn từ lưới điện thành phố Tuy Hòa; hai trạm biến áp 22/0,4kv-400kvAx2, kiểu trạm treo (trên trụ sắt ngoài trời), đầu dây: D/Y₀-11; lưới đường dây: đz trung

thế 22kv xây dựng mới, đấu nối từ lưới điện 22kv hiện có, kết cấu đz: mạch đơn đi trên không 3 pha 3 dây, cột: bê tông ly tâm 14m; đz hạ thế 0,4kv sử dụng cột bê tông ly tâm 10,5m; chiếu sáng đường phố: dây dẫn, dùng cáp vặn xoắn hạ thế tiết diện $2 \times 16 \text{mm}^2$, nhôm bọc cách điện, loại 2 ruột, bóng đèn cao áp ánh sáng vàng (150w - 250w), treo đèn cản rời trên các cột của đz điện 22/0,4kv, cấp bảo vệ IP54.

d) Cấp nước:

Nguồn từ mạng cấp nước thành phố Tuy Hòa, đấu nối từ đường ống D250 trên đường Nguyễn Huệ; mạng lưới là các tuyến ống D100 dọc theo các tuyến đường, cấp nước theo nguyên tắc bơm áp lực; đường ống cấp đặt cách chỉ giới đường đỏ, vỉa hè theo tiêu chuẩn. Giải quyết áp lực, không có bơm tăng áp khu vực, áp lực nước đủ cấp các nhà 4 tầng, dùng bơm tăng áp cục bộ lên hồ dự trữ (satado) tầng mái đối với các nhà trên 5 tầng; nước chữa cháy: lưu lượng cấp nước chữa cháy theo tiêu chuẩn TCVN 2622-1995; bố trí 4 họng lấy nước chữa cháy Ø100; khi có sự cố cháy, bổ sung thêm nguồn nước mặt rạch Bầu Hạ; bố trí họng cứu hỏa dọc mạng cấp nước ở các ngã ba, ngã tư đường phố theo dạng trụ nổi, khoảng cách tối đa giữa các họng là 150 - 200m, khoảng cách tối đa giữa họng cứu hỏa và mép đường là 2,5m; vị trí các họng cứu hỏa, đường kính họng tối thiểu là 100mm.

e) Thoát nước và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước mưa: được gom vào hố ga dọc các tuyến cống D400 - 600; sử dụng các miệng xả hiện có và làm thêm một miệng xả tại đường Điện Biên Phủ, thoát trực tiếp ra rạch Bầu Hạ.

- Hệ thống thoát nước bản: giai đoạn đầu dùng tạm hệ thống tự hoại, tự thấm, thiết kế thi công đúng tiêu chuẩn; giai đoạn sau, thoát nước thải được đầu tư hệ thống riêng hoàn chỉnh trên các tuyến chính theo dự án cấp thoát nước, phải bảo đảm nguyên tắc nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn loại B hoặc bằng bể tự hoại đúng quy chuẩn trước khi chảy vào hệ thống đô thị và rạch, hồ điều hòa; bố trí cống nằm trên nền vỉa hè, khoảng cách từ cống đến móng nhà là 3m, chôn cống sâu 1,5 - 2,0m; khoảng cách các hố ga: 30,0 - 50,0m.

- Vệ sinh môi trường: rác được phân loại (vô cơ, hữu cơ) được tập trung thu gom ra bãi xử lý (đi tái chế hoặc chôn lấp); đặt điểm gom rác tại những nơi tập trung đông người, mỗi điểm đặt 1 container đựng rác (dung tích ~ 6m^3).

f) Hệ thống thông tin liên lạc:

Trên cơ sở quy hoạch hệ thống giao thông trong khu vực, bố trí các tuyến ống cáp ngầm viễn thông theo quy chuẩn.

9. Giải pháp tổ chức tái định cư

Có các kế hoạch lập các dự án tái định cư, quỹ đất để sử dụng tái định cư nằm trong một phần diện tích đất các ô phố đã giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa lập dự án đầu tư theo hướng đổi đất lấy cơ sở hạ tầng đô thị.

- Đối với các hộ cư dân bị giải tỏa 100% hoặc diện tích đất còn lại không đảm bảo điều kiện, yêu cầu (về: cư trú, quy hoạch) thì phải di dời tái định cư đến nơi quy định (như: các khu ở của các khu dân dụng Nguyễn Trung Trực và Lê Thành Phương) và được nhà nước bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời, thiệt hại theo giá trị tài sản tại thời điểm thực thi quy hoạch; có 20-30 hộ cư dân phải di dời tái định cư.

- Đối với các hộ cư dân không bị di dời, giải tỏa, được tiếp tục định cư theo khuôn viên lô đất kế thừa. Đối với các hộ cư dân bị giải tỏa một phần, sẽ được đền bù theo giá trị tài sản tại thời điểm thực thi quy hoạch, cũng được tiếp tục định cư theo khuôn viên lô đất kế thừa. Các hộ cư dân tiếp tục định cư theo khuôn viên lô đất kế thừa, phải điều chỉnh hướng nhà, kiến trúc theo định hướng quy hoạch chỉnh trang.

10. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Nước mưa và các loại nước thải sinh hoạt, dịch vụ không được xả trực tiếp lên mặt vỉa hè, đường phố mà phải theo hệ thống ống, cống ngầm từ nhà chảy vào hệ thống thoát nước đô thị; nước thải của khu vệ sinh nhất thiết phải được xử lý qua bể tự hoại, xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước chung.

- Không được thường xuyên xả khói khí, gây khó chịu cho cư dân xung quanh; miệng xả khói, hơi không được hướng ra đường phố, nhà lân cận; nếu đặt máy lạnh ở mặt tiền, sát với chỉ giới đường đỏ, phải ở độ cao trên 2,7m, có che chắn mỹ quan và không được xả nước thải trực tiếp lên mặt vỉa hè, đường phố.

11. Danh mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

* Các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Đường Điện Biên Phủ và đường Nguyễn Thái Học kéo dài: đoạn từ giao đường Hùng Vương đến giao đường Lê Thành Phương.

- Các đường: N1 và N2 (đoạn từ giao đường Trần Phú đến giao đường Điện Biên Phủ).

* Các dự án hạ tầng xã hội đô thị:

- Trường Trung học bán công Nguyễn Trãi.

- Dự án các khu nhà ở.

- Công viên Hồ Sơn.

- Các trường mầm non trong các khu ở.

- Các dự án nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch sinh thái.

12. Phê duyệt và ban hành hồ sơ

Xem ***Biểu danh mục hồ sơ bản vẽ được phê duyệt và ban hành*** tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

Điều 2. Tổ chức thực hiện Đồ án quy hoạch xây dựng này:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp các ngành liên quan:

+ Tổ chức hoàn thiện hồ sơ Đồ án, cung cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa và các ngành liên quan để thực hiện theo nội dung được duyệt của Đồ án;

+ Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, tổ chức hội nghị công bố quy hoạch này, có sự tham dự của đại diện chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức, cơ quan liên quan, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, các cơ quan thông tấn báo chí;

+ Tổ chức, hướng dẫn, phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa xử lý tác nghiệp các nội dung chuyên môn của Đồ án; thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước về xây dựng theo chức năng; định kỳ rà soát, kiểm tra tính khả thi của Đồ án, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo phát triển đồng bộ, theo định hướng phát triển không gian toàn vùng;

+ Tổ chức tiếp nhận, xử lý, cung cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng, các thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, các thông tin khác liên quan theo phân cấp khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

- Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa có trách nhiệm:

+ Phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan chuyên môn của tỉnh thực hiện tác nghiệp nội dung chuyên môn của Đồ án theo phân cấp; tổ chức thực hiện cắm mốc giới xây dựng trên thực địa (chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng, ranh giới các vùng cấm xây dựng); định kỳ rà soát, kiểm tra tính khả thi của Đồ án, kịp thời điều chỉnh quy hoạch xây dựng phù hợp với tình hình thực tế;

+ Thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước về xây dựng theo phân cấp; lập kế hoạch thực hiện đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật theo Đồ án;

+ Tổ chức, chỉ đạo cơ quan quản lý xây dựng trực thuộc việc tiếp nhận, xử lý, cung cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng, các thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và các thông tin khác liên quan theo phân cấp khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

+ Tổ chức trưng bày, tuyên truyền công khai, rộng rãi, thường xuyên và liên tục các thông tin về nội dung, pa-nô bản vẽ của Đồ án tại cơ quan quản lý quy hoạch

xây dựng, trên các phương tiện thông tin đại chúng và nơi công cộng; in ấn phát hành rộng rãi bản đồ quy hoạch xây dựng và “Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng”.

Điều 3. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa; Chủ tịch UBND phường sở tại; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày đăng trên Công báo Phú Yên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Chi

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng; tỷ lệ 1/500 Đồ án Khu phố Điện Biên Phủ (thành phố Tuy Hòa))

Biểu Quy hoạch chi tiết phân lô sử dụng đất

TT	Tên lô đất	Chức năng sử dụng đất Diện tích (ha)						Tầng cao trung bình (số tầng)	Mật độ xây dựng trung bình (%)	Hệ số sử dụng đất trung bình (lần)
		Nhà liên kế phố	Nhà biệt thự	Nhà hiện trạng giữ lại	Nhà cải tạo chỉnh trang	Mặt nước	Công trình công cộng			
1	LK-1	5.479						3	85	2,55
2	LK-2	2.756						3	85	2,55
3	LK-3	2.512						3	85	2,55
4	BT-1		1.439					2	60	1,20
5	HT-1			442				2	90	1,80
6	HT-2			1.399				3	90	2,70
7	HT-3			3.437				3	90	2,70
8	HT-4			2.979				3	90	2,70
9	HT-5			3.904				3	90	2,70
10	HT-6			1.328				3	90	2,70
11	CT-01				2.449			2	90	1,80
12	MN					1.703		0	0	0,00
13	CC-1						1.553	5	40	2,00
14	CC-2						912	5	40	2,00
15	CC-3						1.186	3	45	1,35
16	CC-4						1.016	3	45	1,35
17	CC-5						2.666	2	20	0,40
18	CC-6						2.648	4	45	1,80
19	CC-7						2.065	4	45	1,80

TT	Tên lô đất	Chức năng sử dụng đất Diện tích (ha)						Tầng cao trung bình (số tầng)	Mật độ xây dựng trung bình (%)	Hệ số sử dụng đất trung bình (lần)
		Nhà liên kế phố	Nhà biệt thự	Nhà hiện trạng giữ lại	Nhà cải tạo chỉnh trang	Mặt nước	Công trình công cộng			
20	CC-8						3.063	4	45	1,80
21	CC-9						530	3	45	1,35
22	CC-10						1.439	3	45	1,35
Tổng cộng		10.747	1.439	13.489	2.449	1.703	17.078			

Ghi chú: LK: nhà ở liền kề xây dựng mới; HT: nhà ở hiện trạng; MN: khu mặt nước; CC: công trình công cộng.

Biểu Quy hoạch giao thông

TT	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt	Lề trái (m)	Lề phải (m)	Lòng đường (m)	Chiều rộng đường (m)	Diện tích lề (m ²)	Diện tích lòng đường (m ²)	Diện tích đường (m ²)
1	Nguyễn Huệ	8-8	5,50	5,50	14,00	25,00	3.161,31	4.907,8	8.069,1
2	Duy Tân	3-3	5,00	5,00	15,00	25,00	769,99	1.244,5	2.014,5
3	Điện Biên Phủ	2-2	4,75	4,75	10,50	20,00	2.905,99	3.372,0	6.278,0
4	Hai Bà Trưng	4-4	4,25	4,25	7,50	16,00	676,22	698,8	1.375,0
5	Lương Văn Chánh	4-4	4,25	4,25	7,50	16,00	736,65	706,5	1.443,2
6	Đường N1	4-4	4,25	4,25	7,50	16,00	657,45	716,1	1.373,6
7	Đường D1	5-5	3,00	3,00	4,00	10,00	699,46	1.414,9	2.114,4
8	Đường bê tông NB1	6-6	0,00	0,00	6,00	6,00	0,00	761,1	761,1
9	Đường bê tông NB2	7A-7A	0,00	0,00	4,00	4,00	0,00	426,2	426,2
10	Đường bê tông NB3	7-7	0,00	0,00	4,00	4,00	0,00	335,0	335,0
11	Đường bê tông NB4	6-6	0,00	0,00	6,00	6,00	0,00	590,2	590,2
12	Đường bê tông NB4A	7-7	0,00	0,00	4,00	4,00	0,00	395,4	395,4
13	Đường bê tông NB5	6-6	0,00	0,00	6,00	6,00	0,00	550,6	550,6
TỔNG CỘNG							9.607,07	16.119,05	25.726,1